

Số: 3805/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 25 tháng 12 năm 2021

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Ban hành Kế hoạch công tác cải cách hành chính năm 2022**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030;*

*Căn cứ Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 12/4/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Nam về chuyển đổi số tỉnh Quảng Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;*

*Căn cứ Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 14/10/2021 của Tỉnh ủy Quảng Nam về đẩy mạnh cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 2370/QĐ-UBND ngày 19/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 3441/QĐ-UBND ngày 24/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 14/10/2021 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 2872/TTr-SNV ngày 20/12/2021.*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch công tác cải cách hành chính năm 2022 của tỉnh Quảng Nam, với các nội dung cụ thể sau:

#### **I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU**

##### **1. Mục tiêu chung**

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính theo hướng toàn diện, đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm nhằm xây dựng nền hành chính dân chủ, hiện đại, chuyên nghiệp, kỷ cương, công khai, minh bạch, nâng cao chất lượng giải trình. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có tư duy, khát vọng đổi mới, có phẩm chất, năng lực và uy tín ngang tầm nhiệm vụ; hệ thống cơ quan hành chính nhà nước các cấp tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Cải thiện kết quả đánh giá xếp hạng các Chỉ số cải cách hành chính (Par Index), Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính (SIPAS), Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI).

## 2. Các chỉ tiêu chủ yếu

- 100% các văn bản hướng dẫn, thi hành, tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước phải được rà soát, sửa đổi, bổ sung, thay thế phù hợp, kịp thời theo quy định của Đảng, pháp luật hiện hành, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4; tỷ lệ hồ sơ giải quyết theo dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 trên tổng số hồ sơ tiếp nhận đạt từ 50% trở lên; thực hiện số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đang còn hiệu lực và có giá trị sử dụng lại của tỉnh theo lộ trình của Chính phủ quy định.

- Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt 85% trở lên; trong đó phân đầu mức độ hài lòng của người dân đối với lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư, dịch vụ cung cấp y tế, giáo dục công lập đạt 80% trở lên.

- Hoàn thành việc sắp xếp cơ cấu tổ chức bộ máy bên trong của các cơ quan hành chính theo hướng giảm đầu mối, giảm cấp trung gian đảm bảo tinh gọn, đáp ứng các tiêu chí, điều kiện theo quy định của Chính phủ. Thực hiện sắp xếp, giảm đầu mối đơn vị sự nghiệp; tinh giản biên chế; đổi mới cơ chế quản lý, nâng cao mức độ tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp.

- Phân đầu tối thiểu 90% cán bộ, công chức, viên chức có cơ cấu hợp lý, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định.

- 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng (trừ văn bản mật), 80% hồ sơ công việc tại tỉnh, 70% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 40% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- Cổng Dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh được kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cổng Dịch vụ công quốc gia; 80% giao dịch trên các Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử của các cấp được xác thực điện tử; 70% người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, đồng bộ trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền thuộc tỉnh.

- 100% danh mục thủ tục hành chính ngoài một cửa tại các Sở, Ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã được công bố, cập nhật và giám sát thực hiện.

- Hoàn thành 100% nhiệm vụ được Chính phủ giao. Thực hiện tốt các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách.

- Phân đầu Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ hành chính (SIPAS) thuộc nhóm 25 tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước, Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh của tỉnh thuộc nhóm 20 tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước; Chỉ số năng lực cạnh tranh trong nhóm 10 tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước; Quảng Nam thuộc nhóm 20 tỉnh, thành phố dẫn đầu về Chính quyền điện tử, chính quyền số.

## **II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM**

### **1. Cải cách thể chế**

Kịp thời xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp nhằm cụ thể hóa các quy định về cơ chế, chính sách của Trung ương và Nghị quyết của Đảng bộ các cấp đảm bảo tiến độ, chất lượng. Tiếp tục cụ thể hóa các cơ chế, chính sách về hỗ trợ khởi nghiệp, các chương trình, đề án, dự án trọng điểm, cần ưu tiên nguồn lực thực hiện để tạo sự lan tỏa, tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp, người dân thực hiện hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện nghiêm Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, trong đó chú trọng thực hiện quy trình lập đề nghị xây dựng văn bản, đánh giá tác động của chính sách đối với đối tượng chịu sự tác động của chính sách. Nâng cao chất lượng công tác soạn thảo, thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất, đồng bộ, kịp thời, khả thi.

Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị-xã hội để xây dựng pháp luật; tiếp thu ý kiến qua giám sát, phản biện xã hội để xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và thi hành pháp luật.

Thường xuyên kiểm tra, tự kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật để kịp thời phát hiện bất cập, vướng mắc trong tổ chức thi hành; kiến nghị hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành văn bản mới, đảm bảo phù hợp với quy định của cơ quan nhà nước cấp trên và tình hình kinh tế - xã hội tại địa phương. Xử lý các văn bản trái pháp luật đã được phát hiện và kiến nghị xử lý trách nhiệm đối với người tham mưu ban hành văn bản trái pháp luật.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác theo dõi thi hành pháp luật; kiến nghị hoàn thiện hệ thống pháp luật và các biện pháp nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật trong các lĩnh vực quản lý nhà nước.

Đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền tối đa theo quy định của pháp luật, nhất là các lĩnh vực về quản lý đầu tư; quản lý tài nguyên - môi trường và quản lý ngân sách; quản lý tổ chức bộ máy, nhân sự các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp.

## 2. Cải cách thủ tục hành chính

Triển khai đồng bộ, hiệu quả mục tiêu “4 tăng” (tăng tính công khai minh bạch; tăng cường trách nhiệm trong thực thi công vụ; tăng cường phương thức giải quyết thủ tục hành chính qua môi trường điện tử; tăng sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp); “2 giảm” (giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính; giảm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính); “2 không” (không gây phiền hà, sách nhiễu; không trễ hẹn).

Tiếp tục chuẩn hóa danh mục thủ tục hành chính của tỉnh đảm bảo đúng theo các quy định hiện hành của pháp luật; cập nhật và công khai đầy đủ trên Cơ sở dữ liệu Quốc gia về thủ tục hành chính, tích hợp, đồng bộ với Cổng Dịch vụ công của tỉnh để đảm bảo thuận tiện cho việc khai thác, sử dụng của người dân, doanh nghiệp. Tăng cường công tác giám sát việc thực hiện thủ tục hành chính tại các cơ quan, đơn vị sau khi được công bố, đảm bảo đồng bộ, thống nhất tại các cấp hành chính trên địa bàn tỉnh.

Rà soát, hoàn thiện toàn bộ quy trình nội bộ, quy trình liên thông, quy trình điện tử giải quyết đối với từng thủ tục hành chính, đảm bảo rõ thời gian, rõ trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong quy trình giải quyết thủ tục hành chính.

Xây dựng, ban hành danh mục thủ tục hành chính yêu cầu thực hiện liên thông trong nội bộ cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp huyện; đảm bảo rõ thời gian, rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị trong từng bước của quy trình giải quyết thủ tục hành chính. Cải thiện hiệu quả mối quan hệ phối hợp giữa các cơ quan ngành dọc và cơ quan chuyên môn trong giải quyết thủ tục hành chính.

Tiếp tục triển khai đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 3563/KH-UBND ngày 15/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Kết nối liên thông việc giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử đối với Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh, Trung tâm Hành chính công cấp huyện/Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, cấp xã theo hướng tập trung; thường xuyên công khai, cập nhật tình trạng giải quyết hồ sơ trên Cổng dịch vụ công tỉnh.

Nâng cao chất lượng giải quyết trên môi trường điện tử của nhóm thủ tục hành chính đất đai, đầu tư, xây dựng; cải thiện quy trình tiếp nhận hồ sơ điện tử; xây dựng cơ chế phản hồi bằng phương thức điện tử (như tin nhắn, email) cho người nộp hồ sơ để biết được tình trạng xử lý hồ sơ. Tăng cường kiểm soát, đánh giá, giám sát việc giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, đẩy mạnh việc số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính, chứng thực bản sao điện tử từ bản chính, trả kết quả giải quyết bản điện tử theo quy định.

Nâng cấp, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Trung tâm Hành chính công/ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, cấp xã. Triển khai có hiệu quả các hoạt động hỗ trợ tổ chức,

công dân trong giao dịch, giải quyết thủ tục hành chính, như: Hệ thống tổng đài hướng dẫn - giải đáp; dịch vụ bưu chính chuyển phát hồ sơ thủ tục hành chính; hướng dẫn, hỗ trợ kê khai hồ sơ; thanh toán phí, lệ phí trực tuyến kết hợp với áp dụng biên lai điện tử.

### 3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

Rà soát, sắp xếp, kiện toàn lại tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định chung của Chính phủ; giảm đầu mối tổ chức trung gian, khắc phục sự trùng lặp, chồng chéo. Đẩy mạnh sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản trị, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

Tập trung điều chỉnh, phê duyệt đề án vị trí việc làm trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp theo quy định. Thường xuyên rà soát, điều chỉnh phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn quản lý, để đề án vị trí việc làm thực sự phát huy tối đa hiệu quả.

Thực hiện phân cấp, ủy quyền mạnh mẽ hơn cho các cấp, ngành, địa phương về quản lý kinh tế - xã hội gắn với phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, đảm bảo nguyên tắc không trùng, không sót trong thực hiện các chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền quản lý nhà nước, nâng cao hiệu quả giải quyết công việc; chú trọng hướng dẫn, kiểm tra, giám sát.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong phương thức lãnh đạo, điều hành và thực thi nhiệm vụ tại các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Rà soát, tiếp tục thí điểm chuyển giao một số nhiệm vụ và dịch vụ hành chính công mà Nhà nước không nhất thiết phải thực hiện cho doanh nghiệp, các tổ chức xã hội đảm nhiệm.

### 4. Cải cách chế độ công vụ

Quản lý, giám sát chặt chẽ quá trình giải quyết công việc, thái độ ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức đối với người dân, doanh nghiệp; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao tinh thần trách nhiệm, phục vụ Nhân dân và đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức; xây dựng văn hóa phục vụ trong giải quyết công việc cho người dân và doanh nghiệp.

Đẩy mạnh việc luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức, nhất là ở những lĩnh vực nhạy cảm; thay thế và xử lý kịp thời cán bộ, công chức, viên chức ở những nơi có dư luận nhiều, tiêu cực, hiệu quả công tác thấp.

Ban hành quy định cụ thể việc xử lý đối với cán bộ, công chức, viên chức có hành vi gây phiền hà, sách nhiễu tổ chức, người dân và doanh nghiệp. Tăng cường thanh tra, kiểm tra công vụ, việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công vụ của cán bộ, công chức, viên chức.

Ban hành quy định đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức 6 tháng/01 lần theo hướng xác định rõ kết quả đầu ra.

Cơ cấu, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp, các ngành theo vị trí việc làm, khung năng lực, bảo đảm đúng người, đúng việc, nâng cao chất lượng, hợp lý về cơ cấu, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan, đơn vị, địa phương.

Hoàn thành ứng dụng phần mềm cơ sở dữ liệu chung toàn tỉnh về đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Đổi mới việc tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng bổ sung kiến thức mới cho cán bộ, công chức, viên chức trên các lĩnh vực theo tiêu chuẩn chức danh, khung năng lực, vị trí việc làm.

### 5. Cải cách tài chính công

Tiếp tục thực hiện giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý tốt nguồn vốn đầu tư và nợ công; tiếp tục đổi mới cơ chế phân bổ và sử dụng ngân sách đối với cơ quan hành chính dựa trên kết quả và chất lượng hoạt động, hướng vào kiểm soát đầu ra, mục tiêu, nhiệm vụ của các cơ quan.

Sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí làm cơ sở cho việc ban hành đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Rà soát, đánh giá kết quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập để phân loại, giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính giai đoạn 2022 - 2025 cho các đơn vị sự nghiệp công lập khối tỉnh quản lý theo hướng tăng cường phân cấp, nâng cao mức tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp.

Thực hiện cơ chế nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công căn cứ vào chất lượng đầu ra hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công; tạo sự cạnh tranh bình đẳng trong cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, nâng cao chất lượng và đa dạng hóa dịch vụ sự nghiệp công.

Đẩy mạnh xã hội hóa và tăng cường các biện pháp khuyến khích đầu tư đúng quy định để thu hút các nguồn lực đầu tư phát triển tỉnh.

### 6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách về ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển Chính quyền điện tử.

Nâng cấp, hoàn thiện Cổng dịch vụ công tỉnh, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, hướng đến hợp nhất Cổng dịch vụ công và Hệ thống một cửa điện tử theo quy định. Có giải pháp phù hợp tăng số lượng hồ sơ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4; hồ sơ tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.

Chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường điện tử, biểu mẫu, chế độ báo cáo; tăng cường gửi nhận văn bản, báo cáo điện tử tích hợp chữ ký số giữa các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và các doanh

nghiệp; thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước theo quy định.

Thường xuyên cập nhật Hướng dẫn thực hiện thủ tục hành chính qua Cổng dịch vụ công tỉnh; giải đáp kịp thời các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công tỉnh. Giảm tỷ lệ người dân, doanh nghiệp phải nộp bản chính, bản chứng thực các giấy tờ khi thực hiện các thủ tục hành chính; hướng tới việc người dân, doanh nghiệp chỉ cần cung cấp mã định danh khi thực hiện thủ tục hành chính.

Hoàn thiện phần mềm quản lý văn bản và điều hành để bảo đảm thông suốt trong việc gửi, nhận văn bản điện tử; đẩy mạnh ứng dụng chữ ký số chuyên dùng trong gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan hành chính nhà nước.

Nghiên cứu xây dựng, triển khai Đề án thí điểm tổ dân phố, khu dân cư điện tử tại một số đơn vị cấp xã nhằm từng bước hình thành các cộng đồng dân cư có trình độ ứng dụng công nghệ thông tin cao, là cơ sở để xây dựng thành công chính quyền điện tử trên thực tế. Triển khai các kênh tương tác trực tuyến để người dân tham gia, giám sát hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật, ra quyết định của cơ quan nhà nước.

Tập trung triển khai thực hiện: xây dựng và vận hành Kho dữ liệu dùng chung; Trung tâm điều hành thông minh (IOC); Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh (LRIS).

Tiếp tục hoàn thiện Hệ thống báo cáo cấp tỉnh tích hợp với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ hình thành Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia; tiếp tục mở rộng việc sử dụng văn bản điện tử (trừ văn bản mật), chữ ký số, xử lý công việc trên môi trường điện tử, bảo đảm đồng bộ trong triển khai, thực hiện ở cả 3 cấp chính quyền, không gửi kèm bản giấy, thực hiện lưu trữ điện tử; đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn, khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, Cổng Dịch vụ công tỉnh và thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định.

Triển khai ứng dụng Smart Quảng Nam cho người dân, giúp kết nối giữa người dân và chính quyền một cách hiệu quả.

Đẩy mạnh áp dụng ISO điện tử với xây dựng chính quyền điện tử và chuyển đổi số.

## 7. Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

Tiếp tục đề cao trách nhiệm của người đứng đầu của các cơ quan hành chính trong triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ về công tác cải cách hành chính.

Đổi mới và đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền; tăng cường các hình thức thông tin, tương tác với người dân; nâng cao chất lượng các nội dung, chú trọng tuyên truyền về những giải pháp, lợi ích mà chính quyền cung cấp cho

người dân, doanh nghiệp; nêu gương các cá nhân, tổ chức làm tốt công tác cải cách hành chính.

Tăng cường kiểm tra việc thực hiện cải cách hành chính, kiểm tra công vụ, chú trọng kiểm tra đột xuất, tái kiểm tra việc khắc phục tồn tại được chỉ ra từ đợt kiểm tra trước đây; nâng cao trách nhiệm người đứng đầu; xử lý kịp thời, nghiêm minh đối với cán bộ, công chức vi phạm kỷ luật và trách nhiệm thực thi công vụ, gây khó khăn, phiền hà cho cá nhân, tổ chức.

Thường xuyên kiểm tra, theo dõi, đôn đốc tình hình, tiến độ thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho các Sở, Ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

Tăng cường công tác theo dõi, đánh giá, lấy ý kiến cá nhân, tổ chức về kết quả cải cách hành chính. Triển khai thực hiện việc xác định và công bố Chỉ số cải cách hành chính hằng năm của các Sở, Ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

Bồi dưỡng, nâng cao trình độ, năng lực cho đội ngũ làm công tác cải cách hành chính các cấp (nhất là đội ngũ cán bộ cấp xã).

### **III. NHIỆM VỤ CỤ THỂ**

1. Một số nhiệm vụ trọng tâm công tác cải cách hành chính năm 2022  
(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

2. Các đề án ban hành, triển khai thực hiện trong năm 2022 (Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Các Sở, Ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Căn cứ Kế hoạch này, xây dựng, ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2022 của đơn vị, địa phương (gửi Kế hoạch về Sở Nội vụ trước ngày 31/01/2022); tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả.

Đối với các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Y tế, Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố: Núi Thành, Thăng Bình, Duy Xuyên, Đại Lộc, Điện Bàn, Hội An, Tam Kỳ, trong nội dung Kế hoạch cải cách hành chính năm 2022, đơn vị, địa phương phải xác định rõ các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính trọng tâm để có những chuyển biến tích cực trong toàn ngành, lĩnh vực, địa phương, khắc phục các tồn tại, hạn chế đã được nêu ra trong thời gian qua.

b) Tiếp tục phổ biến, tuyên truyền, quán triệt kế hoạch cải cách hành chính của tỉnh và của cơ quan, đơn vị, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của mỗi cán bộ, công chức, viên chức đối với công tác cải cách hành chính; đặc biệt là nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị, địa phương đối với công tác cải cách hành chính.



2. Căn cứ nội dung Kế hoạch này, các đơn vị, địa phương có trách nhiệm lập dự toán kinh phí triển khai các hoạt động cải cách hành chính của tỉnh theo nội dung, nhiệm vụ của Kế hoạch được giao (nếu có), gửi Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

### 3. Sở Nội vụ

a) Đề xuất, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các giải pháp tăng cường, đẩy mạnh công tác chỉ đạo, điều hành về thực hiện cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh.

b) Hướng dẫn triển khai, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá; định kỳ hằng quý, báo cáo tình hình, kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch về Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh;
- Vụ CCHC-Bộ Nội vụ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành;
- Các cơ quan ngành dọc cấp tỉnh;
- Báo Quảng Nam, Đài PT-TH tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- CVP; PCVP Lê Ngọc Quảng;
- Lưu: VT, TH, HCTC, KSTTHC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Hồ Quang Bửu**



Đính kèm theo Quyết định số

**Phụ lục I**  
/QĐ-UBND ngày /12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam)

## MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2022

STT	1-Mục tiêu	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả/Sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian	8- Kinh phí
<b>I</b>	<b>Cải cách thể chế</b>							
1	1.1: 100% các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện đúng quy định về xây dựng, ban hành; kiểm tra, xử lý; rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL	2.1: Xây dựng kế hoạch kiểm tra, rà soát VBQPPL	3.1: Kế hoạch kiểm tra, rà soát VBQPPL	Kế hoạch	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Quý I	Kinh phí chi thường xuyên
2	1.2: 100% văn bản QPPL được xây dựng, ban hành đảm bảo cơ sở pháp lý, đúng trình tự, thủ tục quy định; đảm bảo thống nhất với hệ thống pháp luật		3.2: Báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát VBQPPL	Báo cáo	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Quý IV	
3		2.2: Thực hiện Chương trình văn bản QPPL	3.3: Ban hành, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện văn bản QPPL thuộc các ngành, lĩnh vực cấp tỉnh và huyện, thị xã, thành phố.				2022	

STT	1-Mục tiêu	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả/Sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian	8- Kinh phí
4	1.3: Hoàn thành 100% Kế hoạch công tác theo dõi thi hành pháp luật năm 2021 của UBND tỉnh	2.3: Xây dựng Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật	3.4: Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh	Kế hoạch	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Quý I	
5		2.4: Triển khai kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật	3.5: Báo cáo kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật	Báo cáo	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Quý IV	
<b>II Cải cách thủ tục hành chính</b>								
6		2.5: Rà soát, cắt giảm thời gian giải quyết TTHC	3.6: Rà soát, thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố	Quyết định	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	2022	
7	1.4: Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC được ban hành đúng quy định; 100% TTHC trong lĩnh vực trọng tâm	2.6: Xây dựng, ban hành danh mục TTHC yêu cầu thực hiện liên thông trong nội bộ cơ quan hành chính cấp tỉnh, huyện	3.7: Xây dựng, ban hành danh mục TTHC yêu cầu thực hiện liên thông trong nội bộ cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp huyện	Quyết định	Sở Nội vụ; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố	2022	Kinh phí chi thường xuyên
8	được rà soát	2.7: Thí điểm	3.8: Văn bản Ủy ban		Văn	Các Sở, ban, ngành, Ủy		

STT	1-Mục tiêu	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả/Sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian	8- Kinh phí
		tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC theo hướng không phụ thuộc vào địa giới hành chính	nhân dân tỉnh chỉ đạo thực hiện thí điểm việc tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính đối với một số thủ tục hành chính đảm bảo đủ điều kiện theo quy định	Kế hoạch	phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố	2022	
9	1.5: Đẩy mạnh xây dựng cơ sở dữ liệu thủ tục hành chính	2.8: Triển khai việc số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính	3.9: Triển khai theo Kế hoạch số 8079/KH-UBND ngày 12/11/2021 Số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2021-2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh	Dữ liệu số hóa	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban ngành liên quan; Ủy ban nhân dân cấp huyện.	2022	Kinh phí dự án chính quyền điện tử, chính quyền số
10		2.9: Triển khai	3.10: Triển khai theo		Văn	Sở, ban ngành liên		

STT	1-Mục tiêu	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả/Sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian	8- Kinh phí
		Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ	Kế hoạch số 3563/KH-UBND tỉnh ngày 15/6/2021 Triển khai thực hiện Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ	Hướng dẫn	phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	quan; Ủy ban nhân dân cấp huyện.	2022	
<b>III</b>	<b>Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước</b>							
11	1.6: Hoàn thành việc sắp xếp cơ cấu tổ chức bộ máy bên trong của các cơ quan hành chính theo hướng giảm đầu mối, giảm cấp trung gian đảm bảo tinh gọn đáp ứng các tiêu chí,	2.10: Rà soát, sắp xếp, kiện toàn lại tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định chung của Chính phủ	3.11: Thực hiện theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP, Nghị định số 108/2020/NĐ-CP của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương	Quyết định của UBND tỉnh; UBND cấp huyện	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Sở Nội vụ	2022	Kinh phí chi thường xuyên

STT	1-Mục tiêu	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả/Sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian	8- Kinh phí
	điều kiện theo quy định của Chính phủ							
	1.7: Hoàn thành việc phê duyệt đề án vị trí việc làm trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp	2.11: Điều chỉnh, phê duyệt đề án vị trí việc làm trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp	3.12: Thực hiện theo Nghị định số 62/2020/NĐ-CP, ngày 01/6/2020 và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP.	Quyết định của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	2022	Kinh phí chi thường xuyên
12	1.8: Nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ các sở, ngành, địa phương	2.12: Đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền đối với Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh	3.13: Kế hoạch thực hiện phân cấp, ủy quyền đối với Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh	Kế hoạch của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố	2022	
13			3.14: Báo cáo kết quả phân cấp, ủy quyền	Báo cáo	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố	2022	
<b>IV</b>	<b>Cải cách chế độ công vụ</b>							
14	1.9: Nâng cao năng lực về chuyên môn nghiệp vụ, quản lý công việc, kỹ	2.13: Nâng cao chất lượng đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức	3.15: Xây dựng Quy định đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức	Kế hoạch	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố	2022	

STT	1-Mục tiêu	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả/Sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian	8- Kinh phí
15	năng hành chính của công chức, viên chức. Xây dựng văn hóa phục vụ trong giải quyết công việc cho tổ chức, người dân và doanh nghiệp	2.14: Thực hiện đào tạo bồi dưỡng theo vị trí việc làm	3.16: Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng	Kế hoạch	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố	Quý I	Kinh phí chi thường xuyên
16			3.17: Báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng	Báo cáo			Quý IV	
		2.15 Thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đối với CCVC	3.18 Quy định danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức theo hướng dẫn của bộ, ngành trung ương.	Quyết định	Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố	Sở Nội vụ	2022	
18		2.16: Xây dựng Quy định cụ thể việc xử lý đối với cán bộ, công chức, viên chức	3.19: Xây dựng Quy định cụ thể việc xử lý đối với cán bộ, công chức, viên chức có hành vi gây phiền hà, sách nhiễu tổ chức, người dân	Quyết định	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố	2022	
<b>V</b>	<b>Cải cách tài chính công</b>							
19	1.10: Cơ chế, chính sách tài chính theo hướng phân cấp mạnh	2.17: Tham mưu ban hành, sửa đổi bổ sung các văn bản về quản	3.20: Tiếp tục tham mưu ban hành, sửa đổi bổ sung các văn bản về quản lý ngân	Công văn	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố	2022	

STT	1-Mục tiêu	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả/Sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian	8- Kinh phí
	hơn, rõ ràng, công khai, minh bạch; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về tài chính, ngân sách	lý ngân sách, tài sản công.	sách, tài sản công.					
20		2.18: Đẩy mạnh xã hội hóa, tăng cường các biện pháp khuyến khích đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP)	3.21: Đẩy mạnh xã hội hóa, tăng cường các biện pháp khuyến khích đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) đúng quy định để thu hút các nguồn lực đầu tư phát triển.	Quyết định, Công văn	Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố	2022	
<b>VI</b>	<b>Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số</b>							
21	1.11: 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng (trừ văn bản mật), 80% hồ sơ công việc tại tỉnh, 70% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 40% hồ sơ công	2.19: Phát triển hạ tầng số	3.22: Nâng cấp, hoàn thiện Cổng Dịch vụ công và hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh được đáp ứng yêu cầu sử dụng và kết nối, tích hợp Cổng Dịch vụ công quốc gia	Cổng Thông tin điện tử được nâng cấp	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành,	2022	
22			3.23: Xây dựng hệ thống thông tin phục vụ các yêu cầu quản lý, tra cứu tài liệu	Hệ thống cơ sở dữ liệu của Văn phòng	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Các Sở, ban, ngành,	2022	



STT	1-Mục tiêu	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả/Sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian	8- Kinh phí
	việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).	2.20: Phát triển dữ liệu số	lưu trữ và sử dụng thông tin tài liệu lưu trữ đã được số hóa của Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Ủy ban nhân dân tỉnh				
23	- Cổng Dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh được kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cổng Dịch vụ công quốc gia;		3.24: Xây dựng hệ thống CSDL và chuyển đổi số ngành văn hóa tỉnh Quảng Nam	Hệ thống cơ sở dữ liệu	Sở Văn hóa TT&DL		2022	
24	80% giao dịch trên các Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử của các cấp được xác thực điện tử; 70% người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến		3.25: Xây dựng hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu TN&MT	Hệ thống cơ sở dữ liệu	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Thông tin - Truyền thông tỉnh; Viễn thông Quảng Nam; các địa phương liên quan	2022	
25			3.26: Triển khai hệ thống thông tin quản lý dự án đầu tư sử dụng ngân sách nhà nước	Hệ thống cơ sở dữ liệu	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành, địa phương	2022	
26			3.27: Xây dựng cơ sở dữ liệu về giám sát, đánh giá đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Nam	Hệ thống cơ sở dữ liệu	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành, địa phương	2022	
27			3.28: Xây dựng hệ thống bản đồ GIS	Hệ thống cơ sở dữ liệu	Sở Kế	Các sở, ban, ngành,		

STT	1-Mục tiêu	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả/Sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian	8- Kinh phí
	được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền thuộc tỉnh.		trong hoạt động xúc tiến đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Nam	liệu	hoạch và Đầu tư	địa phương	2022	
			3.29: Xây dựng hệ thống CSDL và chuyển đổi số ngành Giao thông vận tải tỉnh Quảng Nam	Hệ thống cơ sở dữ liệu	Sở Giao thông vận tải	Các sở, ban, ngành, địa phương	2022	
28			3.30: “Xây dựng và vận hành hiệu quả hệ thống cơ sở dữ liệu về đất đai, xây dựng, đầu tư, y tế, cán bộ, công chức, viên chức; xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý đối tượng và chính sách an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (Phụ lục kèm Quyết định số 2768/QĐ-UBND ngày 09/10/2020 của UBND tỉnh Quảng Nam)	Phần mềm và cơ sở dữ liệu về đất đai, xây dựng, đầu tư, y tế, lao động - thương binh và xã hội, cán bộ, công chức, viên chức	Sở: TNMT, Xây dựng, KHĐT, Y tế, LĐT BXH, Ni vụ	Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	2022	
29		2.21: Xây dựng phát triển đô thị	3.31: Thành lập và vận hành Trung tâm	Trung tâm IOC của	Ủy ban nhân dân	Các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh		

STT	1-Mục tiêu	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả/Sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian	8- Kinh phí
		thông minh	điều hành đô thị thông minh cấp huyện	huyện, thị xã, thành phố	cấp huyện		2022	
<b>VII</b>	<b>Công tác chỉ đạo điều hành</b>							
30	1.12: Đổi mới cách thức truyền tải thông tin về các hoạt động cải cách hành chính, các thông tin, chính sách của tỉnh và các sở ngành, địa phương đến người dân, doanh nghiệp	2.22: Triển khai các nhiệm vụ theo Kế hoạch số 1739/KH-UBND ngày 31/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tuyên truyền cải cách hành chính giai đoạn 2021-2025	3.32: Tuyên truyền cổ động trực quan về cải cách hành chính	Pano, áp phích	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	2022	Kinh phí tuyên truyền cải cách hành chính năm 2022
31			3.33: Tuyên truyền nâng cao chất lượng tin, bài, chuyên trang, chuyên mục cải cách hành chính trên Báo Quảng Nam, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Cổng Thông tin điện tử cải cách hành chính; Cổng Thông tin điện tử tỉnh	Video, bài báo, bản tin...	Sở: Thông tin và Truyền thông, Nội vụ, Báo Quảng Nam, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh và Cổng Thông tin điện tử tỉnh,	Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	2022	
32			3.34: Tổng hợp số liệu, xây dựng báo	- Các văn bản triển	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các	Quý I	

STT	1-Mục tiêu	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả/Sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian	8- Kinh phí
			cáo tự chấm điểm xác định Chỉ số cải cách hành chính tỉnh năm 2021 theo yêu cầu của Bộ Nội vụ.	khai thực hiện - Báo cáo tự đánh giá của Ủy ban nhân dân tỉnh		huyện, thị xã, thành phố		
33	1.13: Cải thiện, nâng cao chất lượng phục vụ, cung ứng dịch vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương.	2.23: Đánh giá chất lượng cung ứng dịch vụ hành chính công của các cơ quan hành chính nhà nước đối với người dân, tổ chức.	3.35: Tổ chức thẩm định, đánh giá kết quả xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính các Sở, Ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện năm 2021.	- Các văn bản triển khai thực hiện. - Quyết định công bố kết quả xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Quý I	Kinh phí cải cách hành chính năm 2022 bố trí trong dự toán Sở Nội vụ
34			3.36: Tổ chức Hội nghị trực tuyến đánh giá Chỉ số PAR INDEX, Chỉ số PCI, Chỉ số PAPI, Chỉ số ICT INDEX của tỉnh	Kế hoạch tổ chức hội nghị của Ủy ban nhân dân	Sở Nội vụ	Các Sở, Ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Quý II	Kinh phí cải cách hành chính năm 2022 bố

STT	1-Mục tiêu	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả/Sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian	8- Kinh phí
			và công bố kết quả xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số hài lòng (SIPAS) và Chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh (DDCI) năm 2021.	tỉnh				trí trong dự toán Sở Nội vụ
35			3.37: Thực hiện việc khảo sát mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp đối với chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.	Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh	Sở Nội vụ	Các Sở, Ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	2022	Kinh phí cải cách hành chính năm 2022 bố trí trong dự toán Sở Nội vụ
36			3.38: Triển khai Đề án ứng dụng Công nghệ thông tin trong đánh giá cải cách hành chính, đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2025	Văn bản chỉ đạo triển khai; Kế hoạch	Sở Nội vụ	Các Sở, Ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	2022	Theo Đề án

STT	1-Mục tiêu	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả/Sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian	8- Kinh phí
37	1.14: Tối thiểu 30% cơ quan hành chính nhà nước các cấp được kiểm tra cải cách hành chính	2.24: Đánh giá công tác chỉ đạo, điều hành của các cơ quan, đơn vị, địa phương	3.39: Kiểm tra việc thực hiện công tác cải cách hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh.	Kế hoạch; Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo kết quả kiểm tra; Kết luận kiểm tra	Sở Nội vụ	Các Sở, Ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Quý II, III	Kinh phí cải cách hành chính năm 2022 bố trí trong dự toán Sở Nội vụ
38	1.15: 100% nội dung, nhiệm vụ cải cách hành chính hoàn thành mục tiêu; Chỉ số Cải cách hành chính (PAR Index); Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI); Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); Chỉ số chuyển đổi số	2.25: Triển khai Đề án cải thiện và nâng cao vị trí xếp hạng các chỉ số đánh giá đối với tỉnh: Chỉ số Cải cách hành chính (PAR Index); Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI); Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); Chỉ số chuyển đổi số	3.40: Tổ chức Hội nghị phân tích, đánh giá; ban hành Kế hoạch cải thiện Chỉ số PAR INDEX, PAPI, PCI, DTI năm 2022	Văn bản chỉ đạo triển khai; Kế hoạch	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2022	
39	Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI); Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); Chỉ số chuyển đổi số	Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI); Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); Chỉ số chuyển đổi số	3.41: “Triển khai thực hiện Quyết định số 3441/QĐUBND ngày 24/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 14/10/2021 của	Văn bản chỉ đạo triển khai; Kế hoạch	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2022	

STT	1-Mục tiêu	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả/Sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian	8- Kinh phí
	(DTI) được cải thiện	(DTI)	Tỉnh ủy về đẩy mạnh cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030					



Ban hành kèm theo Quyết định số

**PHỤ LỤC II**  
/QĐ-UBND ngày /12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam)

**CÁC ĐỀ ÁN BAN HÀNH, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN TRONG NĂM 2022**

TT	Tên đề án	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện
1	Đề án hoàn thiện tính năng, chức năng kỹ thuật của Cổng dịch vụ công tỉnh và Hệ thống phần mềm một cửa điện tử đáp ứng được yêu cầu về ký số, kết nối và lưu trữ dữ liệu kết quả giải quyết TTHC đã được số hóa.	Quyết định Ủy ban nhân dân tỉnh	Quý I/2022	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Nội vụ, Văn phòng UBND tỉnh
2	Đề án mở rộng chuyên giao cho doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích đảm nhận một số nhiệm vụ hành chính công.	Quyết định Ủy ban nhân dân tỉnh	Quý I, II/2022	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
3	Đề án “Tăng cường năng lực đội ngũ cán bộ, công chức chuyên trách thực hiện công tác cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2025”.	Quyết định Ủy ban nhân dân tỉnh	Quý I/2022	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
4	Đề án “Đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công”.	Quyết định Ủy ban nhân dân tỉnh	Quý II/2022	Sở Y tế	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
5	Đề án “Đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công”.	Quyết định Ủy ban nhân dân tỉnh	Quý II/2022	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố



<b>TT</b>	<b>Tên đề án</b>	<b>Sản phẩm</b>	<b>Thời gian hoàn thành</b>	<b>Cơ quan chủ trì thực hiện</b>	<b>Cơ quan phối hợp thực hiện</b>
6	Đề án thí điểm tổ dân phố, khu dân cư điện tử tại cấp xã ở một số huyện, thị xã, thành phố.	Quyết định Ủy ban nhân dân tỉnh	Quý III/2022	UBND huyện, thị xã, thành phố được chọn thí điểm	Sở Nội vụ và các Sở, ban, ngành liên quan
7	Đề án đẩy mạnh cải cách hành chính phục vụ phát triển du lịch Quảng Nam đến năm 2025 tầm nhìn đến năm 2030.	Quyết định Ủy ban nhân dân tỉnh	Quý III/2022	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố